

Số: /2023/TT-UBDT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO****THÔNG TƯ****Quy định chi tiết thi hành một số điều của  
Luật Thi đua, khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc**

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 66/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc.

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định chi tiết thi hành khoản 4 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 2 Điều 71, khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75 của Luật Thi đua, khen thưởng và công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc.

2. Thông tư này áp dụng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc; các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển các dân tộc Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng thi đua, khen thưởng****1. Đối tượng thi đua**

a) Thi đua thường xuyên, bao gồm: tập thể, cá nhân tại các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc.

b) Thi đua theo chuyên đề, bao gồm: tập thể, cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; Ban Dân tộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh).

**2. Đối tượng khen thưởng**

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 của Điều này.

b) Các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển các dân tộc Việt Nam.

c) Các đối tượng khác theo quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

### **Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng**

1. Nguyên tắc khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc thực hiện theo Điều 5 Luật Thi đua khen thưởng.

2. Việc bình xét khen thưởng chỉ được tiến hành khi đã có kết quả phân loại đánh giá công chức, viên chức và người lao động của đơn vị.

3. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

4. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các quy định có liên quan.

5. Trường hợp các đơn vị mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên mới được bình xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

6. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

## **Chương II**

### **TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 4. Khối thi đua trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc**

1. Khối thi đua được tổ chức trên cơ sở lựa chọn các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng hoặc gần về mặt địa lý. Khối thi đua trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc được tổ chức như sau:

a) Các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc gồm: 03 khối (Phụ lục số 01).

b) Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh gồm: 06 khối (Phụ lục số 02).

2. Khối thi đua có Khối trưởng, Khối phó và các thành viên trong Khối; Khối trưởng, Khối phó được các thành viên trong Khối bầu chọn theo nguyên tắc luân phiên để phối hợp điều hành hoạt động thi đua trong Khối. Hằng năm, trên cơ sở đề nghị của Khối thi đua, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xem xét công nhận đơn vị Khối trưởng, Khối phó.

a) Hoạt động của Khối thi đua

a) Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ chính trị được giao và nội dung phong trào thi đua do Bộ trưởng phát động, Khối trưởng, Khối phó phối hợp xây dựng chương trình, kế hoạch, tiêu chí thi đua phù hợp; tổ chức ký kết giao ước thi đua,

triển khai các hoạt động của Khối thi đua; sơ kết, tổng kết, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến trong Khối thi đua.

- b) Tổ chức đánh giá, bình xét, suy tôn các tập thể có thành tích tiêu biểu,
- c) Khi tổ chức hoạt động thi đua theo chuyên đề, các Khối thi đua xây dựng kế hoạch, nội dung và phối hợp với thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ để triển khai thực hiện.

### **Điều 5. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”**

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Ủy ban Dân tộc; có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.

2. Đối với cá nhân chuyên công tác, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ. Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 12 tháng, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 12 tháng trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với trường hợp mới tuyển dụng dưới 09 tháng hoặc bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

### **Điều 6. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua**

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” thực hiện theo Điều 23 Luật Thi đua khen thưởng.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ” thực hiện theo Điều 22 Luật Thi đua khen thưởng.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” thực hiện theo Điều 21 Luật Thi đua khen thưởng.

### **Điều 7. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”**

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” thực hiện theo Điều 25 Luật Thi đua khen thưởng.

2. Số lượng tập thể đề nghị xét tặng “Cờ thi đua Chính phủ” không quá

20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua Ủy ban Dân tộc”.

### **Điều 8. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc”**

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc” được xét tặng hằng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua của Khối thi đua do Ủy ban Dân tộc tổ chức và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc.

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

c) Tập thể tiêu biểu xuất sắc để tặng Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc được bình xét, đánh giá, so sánh giữa các đơn vị trong Khối thi đua do Ủy ban Dân tộc tổ chức.

#### 2. Số lượng bình xét

a) Khối thi đua bình xét 01 “Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc”; khối thi đua có trên 10 đơn vị thì bình xét 02 “Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc”.

b) Hằng năm, căn cứ kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao và đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm xem xét, quyết định số lượng “Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc”.

c) Đối với phong trào thi đua theo chuyên đề do Ủy ban Dân tộc phát động, khi tổng kết Bộ trưởng, Chủ nhiệm xem xét, quyết định về đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng “Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc”.

### **Điều 9. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”**

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

b) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối tượng xét tặng: các đơn vị được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

### **Điều 10. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”**

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.
  - b) Có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
  - c) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Ủy ban Dân tộc.
2. Đối tượng xét tặng: các đơn vị được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

### **Điều 11. Tiêu chuẩn khen thưởng cấp Nhà nước**

- 1. Tiêu chuẩn xét tặng Huân chương, Huy chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 58, Điều 73, Luật Thi đua, khen thưởng.
- 2. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Anh hùng Lao động" thực hiện theo Điều 63, Luật Thi đua, khen thưởng.
- 3. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước" thực hiện theo Điều 69, Điều 70 Luật Thi đua, khen thưởng.

### **Điều 12. Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm**

- 1. Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:
  - a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua ngành công tác dân tộc;
  - b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban Dân tộc;
  - c) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" hoặc có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở;
  - d) Cá nhân có thành tích xuất sắc góp phần xây dựng và phát triển đơn vị nhân dịp kỷ niệm (năm tròn và năm lẻ 5) ngày thành lập đơn vị thuộc hệ thống cơ quan công tác dân tộc;
  - đ) Cá nhân trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc trước khi nghỉ hưu luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, chưa được tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm thì đơn vị có cá nhân nghỉ hưu xem xét, đề nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm khen thưởng.

- 2. Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc, được bình xét trong phong trào thi đua trong ngành công tác dân tộc.

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban Dân tộc;

c) Có 02 năm trở lên liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;

d) Tập thể có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đơn vị nhân kỷ niệm (năm tròn và năm lẻ 5) ngày thành lập đơn vị thuộc hệ thống cơ quan công tác dân tộc.

3. Đối với Khối thi đua cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, khi tổng kết phong trào thi đua hằng năm, tổ chức đánh giá, bình xét, đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm. Khối có dưới 10 đơn vị được bình xét 02 Bằng khen; Khối có từ 10 đơn vị trở lên được bình xét 03 Bằng khen.

4. Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm để tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn tại Khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua khen thưởng năm 2022 hoặc có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển công tác dân tộc.

5. Các trường hợp khác do Bộ trưởng, Chủ nhiệm xem xét, quyết định.

### **Điều 13. Giấy khen**

1. Giấy khen của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban Dân tộc để tặng cho cá nhân trong đơn vị có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy quy chế của đơn vị và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên; có thành tích trong phong trào thi đua do Bộ hoặc đơn vị phát động;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

2. Giấy khen của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban Dân tộc để tặng cho tập thể trực thuộc đơn vị đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của đơn vị và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên; có thành tích trong phong trào thi đua do Bộ hoặc đơn vị phát động;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

### **Điều 14. Kỷ niệm chương**

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc” (sau đây gọi tắt là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Ủy ban Dân tộc để tặng cho cá nhân đã có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp Phát triển các Dân tộc

thiểu số Việt Nam.

Ủy ban Dân tộc xét tặng Kỷ niệm chương vào dịp Kỷ niệm “Ngày truyền thống cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc” (ngày 03 tháng 5 hàng năm) và xét tặng đối với các trường hợp khác theo quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm.

Kỷ niệm chương chỉ tặng một lần cho mỗi cá nhân, không truy tặng.

2. Kỷ niệm chương được xét tặng cho các cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đối với cá nhân công tác trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc

Bộ trưởng, Chủ nhiệm; các Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm;

Cán bộ công chức, viên chức, người lao động có thời gian công tác liên tục từ 10 năm trở lên đối với nam, 08 năm trở lên đối với nữ tính đến thời điểm xét tặng Kỷ niệm chương;

b) Đối với cá nhân ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc

Là người dân tộc thiểu số được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sỹ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân.

Người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số do cơ quan có thẩm quyền công nhận, doanh nhân, nghệ sỹ, nghệ nhân có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự phát triển kinh tế xóa đói, giảm nghèo, bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc, đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự xã hội trong cộng đồng dân cư.

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các Sở, Ban ngành tỉnh đang làm nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến sự nghiệp xóa đói giảm nghèo, văn hóa, y tế, giáo dục, an ninh quốc phòng, xây dựng và giữ gìn khối đại đoàn kết các dân tộc, góp phần phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Có thời gian công tác liên tục từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xét tặng Kỷ niệm chương và đã được tặng Bằng khen của cơ quan quản lý.

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị hành chính, sự nghiệp cấp huyện, xã đang làm nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến sự nghiệp xóa đói giảm nghèo, văn hóa, y tế, giáo dục, an ninh quốc phòng, xây dựng và giữ gìn khối đại đoàn kết các dân tộc, góp phần phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Có thời gian công tác liên tục từ 10 năm trở lên đối với nam, 08 năm trở lên đối với nữ tính đến thời điểm xét tặng Kỷ niệm chương, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Giấy khen hoặc Bằng khen của cơ quan quản lý.

c) Các trường hợp khác được xét tặng Kỷ niệm chương

Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Trung ương; Lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương; Lãnh đạo các tỉnh, thành phố có công lao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào sự nghiệp phát triển các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Cá nhân có thành tích xuất sắc nhân dịp Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam có thành tích góp phần củng cố, tăng cường tình đoàn kết các dân tộc, có công lao giúp đỡ, ủng hộ xứng đáng về tài chính hoặc vật chất cho công cuộc xóa đói giảm nghèo và sự nghiệp phát triển các dân tộc thiểu số Việt Nam.

### **Chương III**

## **QUY ĐỊNH VỀ SÁNG KIẾN**

### **Điều 15. Sáng kiến**

Sáng kiến là giải pháp có tính mới về kỹ thuật, quản lý, tác nghiệp, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mang lại hiệu quả, lợi ích thiết thực đã được áp dụng tại cơ sở, có khả năng nhân rộng và được cấp có thẩm quyền công nhận. Những nội dung quy định về sáng kiến tại Thông tư này để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, bao gồm:

1. Giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác đã được áp dụng.

2. Chủ trì hoặc tham gia chính xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật (có tên trong quyết định thành lập Tổ soạn thảo hoặc Tổ biên tập và được đơn vị chủ trì xác nhận tham gia xây dựng bằng văn bản).

3. Chủ trì xây dựng các quy trình, quy chế liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao đã ban hành áp dụng phục vụ công tác quản lý, điều hành.

4. Tác giả bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế và các giải thưởng được các cơ quan quản lý nhà nước công nhận; chủ biên sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình.

5. Chủ nhiệm và người có tên trong quyết định của cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ nghiên cứu các Đề tài, đề án khoa học đã được nghiệm thu từ mức đạt trở lên và có phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng.

### **Điều 16. Hội đồng sáng kiến**

Hội đồng sáng kiến Ủy ban Dân tộc do Bộ trưởng, Chủ nhiệm quyết định thành lập, giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho cá nhân tại các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc.

1. Thành phần Hội đồng sáng kiến Ủy ban Dân tộc, gồm có:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm được phân công giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm theo dõi lĩnh vực khoa học và công nghệ.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng thường trực là Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

c) Thư ký Hội đồng là Chuyên viên Vụ Tổ chức cán bộ.



d) Thành viên là những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến hoặc đề tài, đề án nghiên cứu khoa học của Ủy ban Dân tộc. Bộ trưởng, Chủ nhiệm quyết định cụ thể thành viên Hội đồng và quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến Ủy ban Dân tộc.

đ) Vụ Tổ chức cán bộ là cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến Ủy ban Dân tộc.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở, quy định về thành viên, quy chế hoạt động của Hội đồng phù hợp với thực tế đơn vị.

Thẩm quyền của Hội đồng sáng kiến

a) Hội đồng sáng kiến Ủy ban Dân tộc giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm đánh giá, xem xét và công nhận sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng trong Ủy ban Dân tộc, hệ thống cơ quan công tác dân tộc và trong toàn quốc.

b) Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở giúp Thủ trưởng đơn vị đánh giá phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng các sáng kiến tại đơn vị. Đối với đơn vị sự nghiệp thủ trưởng đơn vị ra quyết định công nhận sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng tại đơn vị để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền.

### **Điều 17. Điều kiện công nhận sáng kiến**

1. Sáng kiến đề nghị công nhận của từng cá nhân là các ý tưởng, nội dung do chính cá nhân đề xuất và được áp dụng thực hiện đem lại hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, đơn vị hoặc trong Ủy ban Dân tộc, cơ quan công tác dân tộc, trong toàn quốc.

2. Hội đồng sáng kiến Ủy ban Dân tộc chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự. Sáng kiến được công nhận khi có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

3. Sáng kiến được Hội đồng thông qua sẽ được đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc trong 05 ngày làm việc trước khi trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm xem xét, quyết định công nhận.

4. Sáng kiến được sử dụng làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trong thời hạn 02 năm kể từ khi có quyết định công nhận. Một sáng kiến chỉ được sử dụng một lần làm tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng, sáng kiến đã sử dụng xét danh hiệu thi đua thì không sử dụng xét hình thức khen thưởng và ngược lại.

## **Chương IV HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG**

### **Điều 18. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban Dân tộc**

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban Dân tộc (Hội đồng) do Bộ trưởng, Chủ nhiệm quyết định thành lập, có chức năng tham mưu, tư vấn cho Bộ trưởng, Chủ nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm được phân công giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm theo dõi công tác thi đua, khen thưởng.
- c) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.
- d) Thư ký Hội đồng là chuyên viên Vụ Tổ chức cán bộ.
- đ) Các thành viên Hội đồng là Thủ trưởng các đơn vị sau: Văn phòng Ủy ban, Vụ Kế hoạch - Tài chính; Thanh tra Ủy ban; Trung tâm Chuyển đổi số; Phó Bí thư thường trực Đảng ủy cơ quan; Chủ tịch Công đoàn Ủy ban Dân tộc, Bí thư Đoàn Thanh niên cơ quan Ủy ban Dân tộc.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban Dân tộc được sử dụng con dấu của Ủy ban Dân tộc để ban hành các văn bản liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng.

#### **Điều 19. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở**

- 1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị.
- 2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở gồm:
  - a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng đơn vị.
  - b) Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên Hội đồng là đại diện cấp ủy, tổ chức đoàn thể và các thành viên khác do Thủ trưởng đơn vị quyết định.

### **Chương V**

#### **QUY ĐỊNH VỀ BÌNH XÉT, THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**

**Điều 20. Nguyên tắc, trình tự bình bầu các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng**

1. Nguyên tắc bình bầu:

- a) Việc bình bầu được tiến hành khi kết thúc năm công tác hoặc một cuộc phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt);
- b) Hình thức bỏ phiếu bình bầu các danh hiệu thi đua tại Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp (hoặc liên tịch đối với các Vụ, đơn vị không có Hội đồng Thi đua - Khen thưởng) quy định như sau:

- Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban Dân tộc xét, bỏ phiếu và có tỷ lệ

phiếu đồng ý từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

- Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc”, “Cờ thi đua của Chính phủ” phải được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban Dân tộc xét, bỏ phiếu và có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 80% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

- Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được bỏ phiếu và phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

c) Trường hợp thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản và được thể hiện trong Biên bản họp bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

d) Đối với các đồng chí Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc, sinh hoạt Đảng tại đơn vị nào do đơn vị đó đề xuất và lập hồ sơ sáng kiến, khen thưởng.

## 2. Trình tự bình bầu các danh hiệu thi đua:

a) Các vụ, đơn vị tổ chức họp, bình xét sáng kiến và khen thưởng tại đơn vị và trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban Dân tộc xem xét, quyết định; Đối với các đơn vị sự nghiệp tổ chức họp, bình xét tại đơn vị, thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền và trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban Dân tộc xem xét, quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền Ủy ban Dân tộc và cấp Nhà nước.

- Đối với các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban không có các Phòng trực thuộc:

Bước 1: Họp toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị để đánh giá, bình bầu danh hiệu thi đua cho cá nhân, tập thể (Biên bản cuộc họp, kết quả bỏ phiếu lưu tại Vụ, đơn vị);

Bước 2: Trên cơ sở kết quả cuộc họp toàn thể, đơn vị tiến hành tổ chức họp liên tịch để xét duyệt danh hiệu thi đua cho các cá nhân, tập thể và chấm điểm thi đua theo mẫu ban hành tại văn bản hướng dẫn tổng kết công tác thi đua, khen thưởng hàng năm của Ủy ban Dân tộc.

- Đối với các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban có các Phòng trực thuộc:

Bước 1: Họp toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Phòng để đánh giá, bình bầu danh hiệu thi đua cho từng người (Biên bản cuộc họp, kết quả bỏ phiếu lưu tại Vụ, đơn vị);

Bước 2: Trên cơ sở kết quả cuộc họp toàn thể của các phòng. Vụ, đơn vị tiến hành tổ chức họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoặc họp liên tịch để xét duyệt danh hiệu thi đua cho các cá nhân, tập thể và chấm điểm thi đua theo mẫu ban hành tại văn bản hướng dẫn tổng kết công tác thi đua, khen thưởng hàng năm của Ủy ban Dân tộc.

b) Đối với các Khối thi đua tổ chức họp, bình xét và trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xem xét, quyết định.

## **Điều 21. Thẩm quyền xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng**

1. Bộ trưởng, Chủ nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ: Xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước quy định tại Khoản 1 Điều 21 Thông tư này; đề nghị các Bộ, ngành Trung ương tặng Kỷ niệm chương, Bằng khen cho tập thể, cá nhân thuộc Ủy ban Dân tộc.

2. Ủy ban Dân tộc hiệp y khen thưởng (theo đề nghị của Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương) đối với các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước đối với tập thể, cá nhân thuộc Ban Dân tộc tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm: Xét tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Chủ nhiệm; trình đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo thẩm quyền; xét, đề nghị các Bộ, ngành Trung ương tặng Kỷ niệm chương, Bằng khen cho tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị. Trường hợp khen thưởng cho tập thể, cá nhân có yếu tố nước ngoài, đơn vị trình phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Vụ Hợp tác Quốc tế.

Vụ trưởng Vụ công tác dân tộc địa phương chịu trách nhiệm đề xuất trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm: Xét tặng các hình thức khen thưởng đối với cá nhân, tập thể, các tổ chức thuộc đối tượng khen thưởng đối ngoại có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển các dân tộc thiểu số Việt Nam trên địa bàn vụ quản lý; Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân phải có xác nhận của cơ quan chủ quản.

4. Thủ trưởng cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm xét, tặng: Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm cho cá nhân thuộc đơn vị; hiệp y đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các trường hợp đề nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm khen thưởng theo chuyên đề; đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho các cá nhân trong và ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc thuộc địa phương.

5. Thủ trưởng các bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương đề nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm xét, tặng: Bằng khen cho các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị; Kỷ niệm chương cho cá nhân thuộc đơn vị.

## **Điều 22. Thẩm quyền quyết định khen thưởng**

1. Bộ trưởng, Chủ nhiệm quyết định công nhận và tặng:

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho cá nhân của các Vụ, đơn vị thuộc khối đơn vị quản lý nhà nước; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho Lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban Dân tộc.

b) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Tập thể Lao động tiên tiến” cho tập thể; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” cho cá nhân của các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc.

c) Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc”.

d) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Phát triển các Dân tộc”

đ) Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm cho các tập thể, cá nhân.

e) Bộ trưởng, Chủ nhiệm ủy quyền cho Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban Dân tộc quyết định công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp quyết định công nhận và tặng: Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” (cho viên chức từ cấp Phòng, Ban trở xuống), danh hiệu “Lao động tiên tiến” và Giấy khen cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị.

### **Điều 23. Tuyển trình khen thưởng**

1. Các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc, Khối thi đua đề nghị khen thưởng gửi hồ sơ về thường trực Hội đồng để thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban Dân tộc xem xét, quyết định.

2. Đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng theo quy định tại điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1; điểm b, điểm d khoản 2 Điều 12 và khoản 1 Điều 14, đơn vị phối hợp với thường trực Hội đồng báo cáo Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc, lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu cần thiết), trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm xem xét, quyết định.

### **Điều 24. Hồ sơ đề nghị khen thưởng**

1. Hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Chủ nhiệm 01 bộ (bản chính), gồm:

- a) Tờ trình đề nghị khen thưởng.
- b) Biên bản họp xét khen thưởng.
- c) Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.

d) Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có tiêu chuẩn về sáng kiến, trong hồ sơ khen thưởng gửi kèm theo quyết định công nhận sáng kiến.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản

a) Các trường hợp xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại Điều 85 của Luật Thi đua, khen thưởng.

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản 01 bộ (bản chính), gồm: Tờ trình đề nghị khen thưởng; Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể lập được thành tích hoặc của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng, quá trình công tác đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

3. Các đơn vị khi đề nghị khen thưởng gửi bản chính hồ sơ khen thưởng và đồng thời gửi các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng về Ủy ban Dân tộc qua hệ thống quản lý văn bản điện tử theo quy định. Hồ sơ khen thưởng chỉ được tiếp nhận khi Ủy ban Dân tộc nhận được bản chính và các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng theo đúng quy định.

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương 01 bộ (bản chính), gồm:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương

b) Bản kê khai quá trình công tác của cá nhân hoặc báo cáo tóm tắt thành tích công lao đóng góp đối với sự nghiệp phát triển ngành công tác dân tộc của cá nhân có xác nhận của đơn vị trình khen thưởng (đối với cá nhân ngoài ngành công tác dân tộc).

5. Hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến 01 bộ (bản chính), gồm:

a) Tờ trình đề nghị công nhận sáng kiến kèm Bản tóm tắt danh sách sáng kiến

b) Biên bản họp xét sáng kiến (nêu rõ tên sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến)

c) Quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến tại cơ sở

d) Báo cáo mô tả sáng kiến

6. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán Nhà nước và Luật Kiểm toán độc lập phải có Báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán có thẩm quyền trong thời gian 05 năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng. Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng bắt buộc phải kiểm toán trong báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng bắt buộc phải kiểm toán.

7. Thủ trưởng các đơn vị trong ngành công tác dân tộc chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Chủ nhiệm và pháp luật về hồ sơ đề nghị khen thưởng. Đối với khen thưởng cho tập thể Ban Dân tộc hoặc khen thưởng cho Trưởng Ban thì trong hồ sơ khen thưởng phải có ý kiến nhận xét hoặc quyết định đánh giá phân loại công chức của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc khen thưởng.

### **Điều 25. Thời gian gửi hồ sơ**

1. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến: Các đơn vị gửi hồ sơ về thường trực Hội đồng sáng kiến Ủy ban Dân tộc trước ngày 10/10 hằng năm để tổng hợp, trình Hội đồng sáng kiến Ủy ban Dân tộc.

2. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

a) Khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Chủ nhiệm: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về thường trực Hội đồng trước ngày 15/12 hằng năm.

b) Khen thưởng quá trình công hiến: Các đơn vị trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng cho cá nhân khi nhận được thông báo nghỉ hưu.

c) Hồ sơ đề nghị tặng kỷ niệm chương đối với cá nhân công tác trong ngành công tác dân tộc gửi trước 30/3 hằng năm. Đối với cá nhân ngoài ngành công tác dân tộc gửi trước thời gian tổ chức trao tặng 10 ngày làm việc.

## **Chương VI**

## QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 26. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của Ủy ban Dân tộc được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước với mức tối đa 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của Ủy ban Dân tộc được sử dụng như sau:

a) Chi tiền thưởng cho các tập thể và cá nhân của các đơn vị không phân cấp thuộc Ủy ban Dân tộc khi được tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc.

b) Chi mua hiện vật cho công tác thi đua, khen thưởng;

c) Chi tổ chức các cuộc họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng sáng kiến;

d) Chi xây dựng, tổ chức phát động, triển khai các phong trào thi đua trong toàn Ngành và chi tham gia các hoạt động của khối thi đua các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương;

đ) Tập huấn nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng; tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, công tác tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng điển hình tiên tiến;

e) Một số nội dung chi khác do người có thẩm quyền quyết định.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban Dân tộc được sử dụng:

a) Chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị được cấp trên tặng thưởng;

b) Chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân được thủ trưởng đơn vị tặng thưởng theo thẩm quyền;

c) Chi cho công tác tổ chức phong trào thi đua và các hoạt động phục vụ công tác thi đua, khen thưởng.

3. Mức tiền thưởng, chế độ ưu đãi và các quyền lợi khác của các tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc thực hiện theo quy định của Luật thi đua khen thưởng và các quy định hiện hành.

### Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc, Khối trưởng Khối thi đua cơ quan công tác dân tộc địa phương và các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban Dân tộc xây dựng, ban hành quy chế thi đua, khen thưởng của đơn vị phù hợp với quy định hướng dẫn

tại Thông tư này.

3. Hằng năm, các đơn vị trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc có trách nhiệm sơ kết, tổng kết, đánh giá, bình xét khen thưởng; tuyên truyền, phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua và gửi báo cáo về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban Dân tộc theo quy định.

4. Các cơ quan báo chí, truyền thông trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc thường xuyên phổ biến, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; về kết quả thi đua, khen thưởng của ngành công tác dân tộc, góp phần lan toả, biểu dương, tôn vinh các tập thể, cá nhân có thành tích nổi trội, xuất sắc và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

### **Điều 28. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 và thay thế Thông tư số 02/2015/TT-UBDT ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống cơ quan công tác dân tộc phản ánh về Ủy ban Dân tộc (qua Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban Dân tộc) để sửa đổi, bổ sung.



## **PHỤ LỤC SỐ 1**

### **DANH SÁCH KHỐI THI ĐUA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC ỦY BAN DÂN TỘC**

#### **KHỐI I**

1. Văn phòng Ủy ban
2. Vụ Tổ chức cán bộ
3. Vụ Kế hoạch - Tài chính
4. Thanh tra Ủy ban
5. Vụ Chính sách Dân tộc
6. Vụ Tuyên truyền
7. Vụ Dân tộc thiểu số
8. Vụ Công tác dân tộc địa phương
9. Vụ Pháp chế
10. Vụ Tổng hợp
11. Vụ Hợp tác quốc tế
12. Văn phòng Điều phối chương trình mục tiêu quốc gia

#### **KHỐI II**

1. Học viện Dân tộc
2. Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương
3. Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn
4. Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Nha Trang
5. Trường Dự bị Đại học Thành phố Hồ Chí Minh
6. Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc

#### **KHỐI III**

1. Trung tâm Chuyên đổi số
2. Báo Dân tộc và Phát triển
3. Tạp chí Dân tộc
4. Nhà khách Dân tộc
5. Ban Quản lý dự án đầu tư chuyên ngành xây dựng

## **PHỤ LỤC 2**

### **DANH SÁCH KHỐI THI ĐUA BAN DÂN TỘC CÁC TỈNH**

#### **I. Khối các tỉnh miền núi phía Tây Bắc**

1. Tỉnh Lai Châu
2. Tỉnh Điện Biên
3. Tỉnh Sơn La
4. Tỉnh Hòa Bình
5. Tỉnh Phú Thọ
6. Tỉnh Vĩnh Phúc
7. Thành phố Hà Nội
8. Tỉnh Ninh Bình
9. Tỉnh Quảng Ninh

#### **II. Khối các tỉnh phía Đông Bắc**

1. Tỉnh Bắc Giang
2. Tỉnh Thái Nguyên
3. Tỉnh Bắc Kạn
4. Tỉnh Tuyên Quang
5. Tỉnh Yên Bái
6. Tỉnh Hà Giang
7. Tỉnh Cao Bằng
8. Tỉnh Lạng Sơn
9. Tỉnh Lào Cai

#### **III. Khối các tỉnh Trung Bộ**

1. Tỉnh Thanh Hóa
2. Tỉnh Nghệ An
3. Tỉnh Quảng Bình
4. Tỉnh Quảng Trị
5. Tỉnh Thừa Thiên Huế
6. Thành phố Đà Nẵng
7. Tỉnh Hà Tĩnh

#### **IV. Khối các tỉnh Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung**

1. Tỉnh Quảng Nam
2. Tỉnh Quảng Ngãi
3. Tỉnh Bình Định
4. Tỉnh Phú Yên
5. Tỉnh Khánh Hòa
6. Tỉnh Kon Tum
7. Tỉnh Gia Lai
8. Tỉnh Đắk Lắk
9. Tỉnh Đắk Nông
10. Tỉnh Lâm Đồng

#### **V. Khối các tỉnh miền Tây Nam Bộ**

1. Thành phố Cần Thơ

2. Tỉnh Vĩnh Long
3. Tỉnh Trà Vinh
4. Tỉnh Kiên Giang
5. Tỉnh An Giang
6. Tỉnh Hậu Giang
7. Tỉnh Sóc Trăng
8. Tỉnh Bạc Liêu
9. Tỉnh Cà Mau

#### **VI. Khối các tỉnh miền Đông Nam Bộ**

1. Thành phố Hồ Chí Minh
2. Tỉnh Tây Ninh
3. Tỉnh Bình Phước
4. Tỉnh Đồng Nai
5. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
6. Tỉnh Ninh Thuận
7. Tỉnh Bình Thuận
8. Tỉnh Bình Dương
9. Tỉnh Long An./.